

CÔNG TY TNHH HKG VINA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HKG VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HKG VINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301275932

3. Ngày thành lập: 01/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu Bãi Cỏ, Thôn Lũng Giang, Thị Trấn Lim, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0906341189

Fax:

Email: hkgvina@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
11.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
12.	Bán buôn thực phẩm	4632
13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649(Chính)
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
23.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
24.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
25.	Trồng cây hàng năm khác	0119
26.	Trồng cây ăn quả	0121
27.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
28.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
29.	Chăn nuôi gia cầm	0146
30.	Chăn nuôi khác	0149
31.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
32.	Dịch vụ đóng gói	8292
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
34.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
35.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
36.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
37.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
38.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
39.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
40.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
41.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
42.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
43.	Quảng cáo	7310
44.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
45.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
46.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
47.	Bán buôn tổng hợp	4690
48.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
49.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
50.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
51.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

52.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
53.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
54.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
55.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
56.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
57.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
58.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
59.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
60.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
61.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
62.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
63.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
64.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
65.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
66.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
67.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
68.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
69.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
70.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
71.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
72.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
73.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
74.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
75.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
76.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
77.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
78.	Đúc kim loại màu	2432
79.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
80.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
81.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
82.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
83.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
84.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
85.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932

86.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
87.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
90.	Bốc xếp hàng hóa	5224
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
93.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
94.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
95.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
96.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
97.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
98.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
99.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
100.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
101.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
102.	Thu gom rác thải độc hại	3812
103.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
104.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
105.	Tái chế phế liệu	3830
106.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
107.	Xây dựng nhà ở	4101
108.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
109.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
110.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
111.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
112.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
113.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
114.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
115.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
116.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027089013765

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Lũng Giang, Thị Trấn Lim, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 04/11/1989

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027089013765

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Lũng Giang, Thị Trấn Lim, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh